BỆNH VIỆN NHI ĐỒNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NHĨA VIỆT NAM**
P.HÀNH CHÍNH QUẢN TRỊ	**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 15/ BVNĐ – P.HCQT	*Đồng Nai, ngày 19 tháng 03 năm 2025*

YÊU CẦU BÁO GIÁ

Kính gửi : Các nhà cung cấp tại Việt Nam

Bệnh viện Nhi Đồng Đồng Nai có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói cung cấp in ấn biểu mẫu cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá.

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh Viện Nhi Đồng Đồng Nai – Khu phố 5, phường Tân Hiệp, Biên Hòa, Đồng Nai.
2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

- Ông : Đinh Thiện Hoà
- Chức vụ: Trưởng phòng Hành chính Quản trị
- Số điện thoại : 0917141145

3. Cách thức tiếp nhận báo giá: Nhận trực tiếp hoặc bưu điện.

Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Phòng Hành chính Quản trị - Bệnh Viện Nhi Đồng Đồng Nai - Khu phố 5, phường Tân Hiệp, Biên Hòa, Đồng Nai.

4. Thời gian tiếp nhận báo giá

- Từ 10 giờ 00 ngày 20 tháng 03 năm 2025 đến trước 16h00 ngày 25 tháng 03 năm 2025.
- Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày kể từ ngày 12 tháng 03 năm 2025.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

Danh mục đính kèm

- Ghi chú: Nhà thầu cung cấp bản chính hoặc bản scanner từ bản sao công chứng giấy phép kinh doanh đáp ứng các yêu cầu về kỹ thuật.
- Báo giá thể hiện cụ thể : Mức % thuế VAT và số tiền tương ứng, thời gian dự kiến thực hiện, thời gian bảo hành dịch vụ.

Trân trọng ./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Website bệnh viện;
- Lưu VT, P.HCQT.

TRƯỞNG PHÒNG

Đinh Thiện Hoà

DANH MỤC IN BIỂU MẪU NĂM 2025

(Đính kèm số 15/BVNĐ-P.HCQT ngày 19 tháng 03 năm 2025 của Bệnh viện Nhi đồng Đồng Nai)

STT	TÊN BIỂU MẪU	Kích thước	Quy cách	Mặt in	ĐVT	Số lượng
1	Bảng kiểm an toàn người bệnh	20.5*29.5	Fo 60 chữ đen	2	Tờ	5.000
2	Bảng kiểm an toàn phẫu thuật	20.5*29.5 cm	Fo 60 chữ đen	2	Tờ	7.000
3	Bảng kiểm bệnh nhân trước mổ	20.5*29.5 cm	Fo 60 chữ đen	1	Tờ	5.000
4	Bảng kiểm tra quy chế HSBA	20.5*29.5 cm	Fo 60 chữ đen	2	Tờ	40.000
5	Bảng thủ thuật, thuốc, vật tư (HSTC-CĐ)	20.5*29.5 cm	Fo 60 chữ đen	2	Tờ	10.000
6	Báo cáo trường hợp bệnh nhiễm	20.5*29.5 cm	Fo 60 chữ đen	2	Tờ	5.000
7	Bao phim CT	37.8*53 cm	C150 có nắp 3.5 cm chữ đen	1	Cái	7.000
8	Bao phim KTS	23*28 cm	Fo 70 có nắp 3cm	2	Cái	60.000
9	Bệnh án mắt	41*29.5 cm	Fo 60 chữ đen	2	Tờ	500
10	Bệnh án ngoại trú	20.5*29.5 cm	Fo 60 chữ đen	2	Tờ	25.000
11	Bệnh án ngoại trú suyễn	20.5*29.5 cm	Fo 60 chữ đen	2	Tờ	2.000
12	Bệnh án RHM	41*29.5 cm	Fo 60 chữ đen	2	Tờ	500
13	Bệnh án TMH	41*29.5 cm	Fo 60 chữ đen	2	Tờ	1.000
14	Bìa hồ sơ bệnh án	41*32 cm	C180 có tráng nhựa dán gáy chữ đen	1	Cái	40.000
15	Đơn thuốc	14.5*20.5	Fo 60 chữ đen	1	Tờ	60.000
16	Bao thư (nhỏ)	12*22	Fo 80 chữ màu xanh, có logo màu	1	Cái	5.000
17	Bao thư (lớn)	25*35	Fo 80 chữ màu xanh, có logo màu	1	Cái	500

STT	TÊN BIỂU MẪU	Kích thước	Quy cách	Mặt in	ĐVT	Số lượng
18	Giấy cam đoan PTTT, GMHS	14.5*20.5 cm	Fo 60 chữ đen	1	Tờ	10.000
19	Giấy chứng nhận PT,TT	14.5*20.5 cm	C120 chữ đen	2	Tờ	5.000
20	Giấy khai báo hành chánh	20.5*29.5 cm	Fo 60 chữ đen có răng cưa để xé	1	Tờ	20.000
21	Giấy chứng nhận nghỉ việc hưởng BHXH	14.5*20.5 cm	Fo 70 chữ đen, logo có màu	1	Tờ	40.000
22	Phiếu nội dung hướng dẫn, giải thích cho người bệnh/người nhà điều trị nội trú	20.5*29.5 cm	Fo 60 chữ đen	2	Tờ	20.000
23	Hướng dẫn chăm sóc trẻ sơ sinh tại nhà	14.5*20.5 cm	Fo 60 chữ đen	2	Tờ	1.000
24	Lời dặn bệnh nhân	14.5*20.5 cm	Fo 60 chữ đen	1	Tờ	5.000
25	Lời dặn bệnh nhân (CTCH)	14.5*20.5 cm	Fo 60 chữ đen	1	Tờ	2.000
26	Phiếu chăm sóc cấp 2-3	20,5*29.5 cm	Fo 60 chữ đen	2	Tờ	50.000
27	Phiếu chuyển	10.5*15 cm	Fo 60 chữ xanh	1	Tờ	3.000
28	Phiếu công khai thuốc vật dụng YTTH	20.5*29.5	Fo 60 chữ đen	2	Tờ	50.000
29	Phiếu công khai thuốc vật dụng YTTH (GMHS)	20.5*29.5	Fo 60 chữ đen	2	Tờ	7.000
30	Phiếu gây mê hồi sức	20.5*29.5 cm	Fo 60 chữ đen	2	Tờ	10.000
31	Phiếu gửi dụng cụ TKTT 2	20.5*29.5 cm	Fo 60 chữ đen	2	Tờ	4.000
32	Phiếu gửi dụng cụ TKTT 3	20.5*29.5 cm	Fo 60 chữ đen	2	Tờ	2.000
33	Phiếu hẹn trả kết quả lâm sàng	8.3*11 cm	Fo 60 chữ đen	1	Tờ	80.000
34	Phiếu khám bệnh vào viện mắt	20.5*29.5 cm	Fo 60 chữ đen	1	Tờ	500
35	Phiếu khám bệnh vào viện RHM	20.5*29.5 cm	Fo 60 chữ đen	1	Tờ	500

STT	TÊN BIỂU MẪU	Kích thước	Quy cách	Mặt in	ĐVT	Số lượng
36	Phiếu khám bệnh vào viện TMH	20.5*29.5 cm	Fo 60 chữ đen	1	Tờ	1.500
37	Phiếu khảo sát ý kiến nhân viên y tế	20.5*29.5 cm	Fo 60 chữ đen	2	Bộ 2 tờ	2.000
38	Phiếu PT,TT	20.5*29.5 cm	Fo 60 chữ đen	2	Tờ	20.000
39	Phiếu theo dõi chức năng sống	20.5*29.5 cm	Fo 60 chữ đen	2	Tờ	80.000
40	Phiếu theo dõi chức năng sống (HSTCCĐ, HSSS, GMHS)	20.5*29.5 cm	Fo 60 chữ đen	2	Tờ	30.000
41	Phiếu theo dõi chức năng sống sọ não	20.5*29.5 cm	Fo 60 chữ đen	2	Tờ	3.000
42	Phiếu theo dõi dịch truyền	20.5*29.5 cm	Fo 60 chữ đen	1	Tờ	20.000
43	*Phiếu theo dõi dị ứng thuốc*	*10*5,5 cm*	C180 trắng chữ đen	*2*	*Tờ*	*500*
44	Phiếu thực hiện nuôi cấy và phân lập	20.5*29.5 cm	Fo 60 chữ đen	2	Tờ	5.000
45	Phiếu truyền máu	20.5*29.5 cm	Fo 60 chữ đen	2	Tờ	5.000
46	Phiếu khám tiền mê	20.5*29.5 cm	Fo 60 chữ đen	1	Tờ	5.000
47	Phiếu tham khảo bệnh nhân trước khi gây mê	20.5*29.5 cm	Fo 60 chữ đen	2	Tờ	5.000
48	Phiếu yêu cầu sử dụng kháng sinh ưu tiên quản lý	20.5*29.5 cm	Fo 60 chữ đen	1	Tờ	8.000
49	Phiếu yêu cầu xét nghiệm truyền máu	20.5*29.5 cm	Fo 60 chữ đen	1	Tờ	15.000
50	Phiếu xét nghiệm chung (HSTCCĐ,BNĐ)	20.5*29.5 cm	Fo 60 chữ đen	1	Tờ	5.000
51	Phiếu nhận định phân loại người bệnh tại khoa cấp cứu	20.5*29.5 cm	Fo 60 chữ đen	1	Tờ	10.000
52	Giấy cung cấp thông tin và cam kết chung về nhập viện nội trú	20.5*29.5 cm	Fo 60 chữ đen	1	Tờ	10.000
53	Giấy cam kết từ chối sử dụng dịch vụ khám chữa bệnh	20.5*29.5 cm	Fo 60 chữ đen	1	Tờ	12.000

STT	TÊN BIỂU MẪU	Kích thước	Quy cách	Mặt in	ĐVT	Số lượng
54	Phiếu cung cấp thông tin người bệnh (HSCTCĐ)	20.5*29.5 cm	Fo 60 chữ đen	1	Tờ	6.000
55	Phiếu bàn giao người bệnh chuyển khoa (Bác sỹ)	20.5*29.5 cm	Fo 60 chữ đen	1	Tờ	40.000
56	Phiếu bàn giao người bệnh chuyển khoa (điều dưỡng)	20.5*29.5 cm	Fo 60 chữ đen	1	Tờ	40.000
57	Giấy cam kết chuyển cơ sở khám bệnh chữa bệnh	20.5*29.5 cm	Fo 60 chữ đen	1	Tờ	1.200
58	Giấy cam kết ra viện không theo chỉ định của bác sỹ	20.5*29.5 cm	Fo 60 chữ đen	2	Tờ	15.000
59	Giấy ra viện	14.5*20 cm	Fo 80 logo màu viền màu xanh	1	Tờ	20.000
60	Phiếu đo chức năng hô hấp	20.5*29.5 cm	Fo 60 chữ đen	1	Tờ	2.000
61	Phiếu IOS	20.5*29.5 cm	Fo 60 chữ đen	1	Tờ	7.000
62	Sổ theo dõi bệnh mạn tính (thiếu máu)	14.5*20 cm	Bìa Duplex 250 ruột Fo 60, 50 trang/cuốn	2	Quyển	300
63	Sổ phiếu sàng lọc bệnh cấp cứu (Có răng cưa, có giấy cacbon trắng –hồng)	14,5*20 cm	Bìa C180 xanh, ruột Fo 60, 100 trang/cuốn		Quyển	50
64	Sổ bàn giao dụng cụ thường trực	20.5*29.5 cm	Bìa Duplex 250 ruột Fo 60, 100 trang/cuốn	2	Quyển	40
65	Sổ báo cáo bệnh nhân hàng ngày	20.5*29.5 cm	Bìa C180 vàng, ruột Fo 60, 100 trang/cuốn	2	Quyển	60
66	Sổ theo dõi chất lượng thuốc định kỳ	20.5*29.5 cm	Bìa Duplex 250, ruột Fo 60,100 trang/cuốn	1	Quyển	5
67	Sổ chẩn đoán hình ảnh	20.5*29.5 cm	Bìa Duplex 250, ruột Fo 60, 100 trang/cuốn	2	Quyển	70
68	Sổ kiểm nhập HCVD YTTH	20.5*29.5 cm	Bìa Duplex 250, ruột Fo 60, 100 trang/cuốn	2	Quyển	20
69	Sổ lệnh điều xe (Có răng cưa)	20.5*29.5 cm	Bìa Duplex 250, ruột Fo 60, 100 trang/cuốn	2	Quyển	20
70	Sổ phiếu lãnh hoá chất (Có răng cưa)	20.5*29.5 cm	Bìa vàng C180, ruột Fo 60, 100	1	Quyển	60

STT	TÊN BIỂU MẪU	Kích thước	Quy cách	Mặt in	ĐVT	Số lượng
			trang/cuốn			
71	Sổ phiếu lãnh thuốc (Có răng cưa)	20.5*29.5 cm	Bìa vàng C180, ruột Fo 60, 100 trang/cuốn	1	Quyển	30
72	Sổ phiếu lãnh và phát máu (Trong ruột có răng cưa)	20.5*29.5 cm	Bìa vàng C180, ruột Fo 60, 100 trang/cuốn	1	Quyển	130
73	*Sổ phiếu lãnh vật dụng YTTH* (Trong ruột có răng cưa)	20.5*29.5 cm	Bìa vàng C180, ruột Fo 60, 100 trang/cuốn	2	Quyển	30
74	Sổ phiếu trả lại thuốc hoá chất vật dụng y tế tiêu hao (Trong ruột có răng cưa)	20.5*29.5 cm	Bìa vàng C180, ruột Fo 60, 100 trang/cuốn	2	Quyển	30
75	Sổ sinh hoạt hội đồng người bệnh	14.5*20.5 cm	Bìa Duplex 250, ruột Fo 60, 100 trang/cuốn	2	Quyển	20
76	Sổ thường trực	20.5*29.5 cm	Bìa Duplex 250, ruột Fo 60, 100 trang/cuốn	2	Quyển	100
77	Sổ khám bệnh ngoại trú	15.3*21.5 cm	Bìa xanh C200, ruột Fo 60, 32 trang/cuốn,không tính bìa có răng cưa	2	Quyển	80.000
78	Sổ theo dõi y dụng cụ hoá chất	20.5*29.5 cm	Bìa Duplex 250, ruột Fo 60, 100 trang/cuốn	2	Quyển	20
79	Sổ theo dõi máy, thiết bị y tế	20.5*29.5 cm	Bìa Duplex 250, ruột Fo 60, 100 trang/cuốn	2	Quyển	20
80	Sổ theo dõi vật rẻ mau hỏng	20.5*29.5 cm	Bìa Duplex 250, ruột Fo 60, 100 trang/cuốn	2	Quyển	20
81	Thẻ kho	21*32 cm	C200	2	Tờ	1.000
82	Tờ điều trị	20.5*29.5 cm	Fo 60 chữ đen	2	Tờ	50.000
83	Trích biên bản hội chẩn	20.5*29.5 cm	Fo 60 chữ đen	2	Tờ	25.000
84	Giấy khám chữa bệnh theo yêu cầu (DV)	20.5*29.5 cm	Fo 60 chữ xanh	2	Tờ	25.000
85	Giấy ra viện (DV)	14.5*20.5 cm	Fo 80 logo màu	1	Tờ	10.000

STT	TÊN BIỂU MẪU	Kích thước	Quy cách	Mặt in	ĐVT	Số lượng
86	Phiếu thông tin bệnh nhân (DV)	11.5*21.3 cm	Fo 60 chữ đen	1	Tờ	80.000
87	Sổ khám bệnh ngoại trú (DV)	15.3*21.5 cm	Bìa xanh C200 ruột Fo 60 32 trang/cuốn,không tính bìa có răng cưa	2	Quyển	180.000
88	Sổ khám dinh dưỡng (DV)	14.5*20.5 cm	Bìa trắng C200 ruột Fo 60 ,20 trang/cuốn	2	Quyển	1.500
89	Sổ theo dõi sức khoẻ sơ sinh (DV)	14.5*20.5 cm	Bìa hồng C200 ruột Fo 60,24 trang/cuốn	2	Quyển	1.500
90	Sổ tiêm chủng (DV)	14.5*20.5 cm	Bìa xanh lá C200 ruột Fo 60, 16 trang	2	Quyển	1.500
91	Phiếu in kết quả xét nghiệm (DV)	20.5*29.5 cm	Fo 70 logo màu, viền xanh	1	Tờ	50.000
92	Giấy A5 in đơn thuốc (DV)	20.5*14.5 cm	Fo 70 viền màu xanh, logo màu	1	Tờ	650.000